

Công ty Cổ phần Bolttech Device Protection Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Bolttech Device Protection Việt Nam

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 9 - 24 |

0315
CÔ
CÔ
BOLTTECH
PROTE
VIỆ
PH

E
A

Công ty Cổ phần Bolttech Device Protection Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bolttech Device Protection Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 5437040765 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“CNĐKDN”) số 0315723588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 6 năm 2019 và theo các CNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động đăng ký của Công ty là cung cấp dịch vụ sửa chữa máy móc, bảo dưỡng máy vi tính và thiết bị ngoại vi, dịch vụ tư vấn quản lý và dịch vụ đại lý bảo hiểm.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 3, Tòa nhà An Khánh, 63 Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| Ông Mark Richard Simmons | Chủ tịch |
| Ông Yap Khiam Ying | Thành viên |
| Bà Lê Thị Ngọc Hương | Thành viên |

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|--------------------------|-----------------------------|
| Bà Lê Thị Ngọc Hương | từ ngày 9 tháng 9 năm 2025 |
| Ông Mark Richard Simmons | đến ngày 8 tháng 9 năm 2025 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|--------------------------|-----------------------------|
| Bà Lê Thị Ngọc Hương | từ ngày 9 tháng 9 năm 2025 |
| Ông Mark Richard Simmons | đến ngày 8 tháng 9 năm 2025 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Bolttech Device Protection Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bolttech Device Protection Việt Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Thị Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 68603597/12291419

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Cổ đông của Công ty Cổ phần Bolttech Device Protection Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bolttech Device Protection Việt Nam (“Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---------------------------------------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 59.627.962.622 | 71.905.696.096 |
| 110 | I. Tiền | 4 | 16.343.966.334 | 20.127.839.550 |
| 111 | 1. Tiền | | 16.343.966.334 | 20.127.839.550 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 4.200.000.000 | 4.450.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 4.200.000.000 | 4.450.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 23.576.024.037 | 33.259.388.250 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 22.176.808.575 | 32.301.050.550 |
| 136 | 2. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 1.399.215.462 | 958.337.700 |
| 150 | IV. Tài sản ngắn hạn khác | | 15.507.972.251 | 14.068.468.296 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 102.084.111 | 85.140.272 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 11 | 12.350.785.072 | 10.928.224.956 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 11 | 3.055.103.068 | 3.055.103.068 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 7.960.937.726 | 29.351.357.054 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 691.497.258 | 2.012.457.386 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 8 | 123.363.415 | 298.639.279 |
| 222 | Nguyên giá | | 525.827.600 | 525.827.600 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (402.464.185) | (227.188.321) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 9 | 568.133.843 | 1.713.818.107 |
| 228 | Nguyên giá | | 3.862.902.438 | 3.862.902.438 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (3.294.768.595) | (2.149.084.331) |
| 260 | II. Tài sản dài hạn khác | | 7.269.440.468 | 27.338.899.668 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 71.932.395 | 245.299.666 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 22.3 | 7.197.508.073 | 27.093.600.002 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 67.588.900.348 | 101.257.053.150 |

572,
ÔNG
Ồ PH
ECH
JTEC
ỆT N
Ồ H
18
3
H
&
1
H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 239.395.276.942 | 204.732.283.677 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 237.015.611.454 | 202.554.215.957 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 10 | 3.410.899.906 | 20.420.988.889 |
| 313 | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 11 | 284.165.674 | 403.435.530 |
| 315 | 3. Chi phí phải trả ngắn hạn | 12 | 50.857.297.032 | 66.351.115.356 |
| 318 | 4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 13 | 22.581.585.284 | 17.405.357.646 |
| 319 | 5. Phải trả ngắn hạn khác | 14 | 133.596.663.558 | 87.791.318.536 |
| 320 | 6. Vay ngắn hạn | 15 | 26.285.000.000 | 10.182.000.000 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 2.379.665.488 | 2.178.067.720 |
| 336 | 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 13 | 2.379.665.488 | 2.178.067.720 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | (171.806.376.594) | (103.475.230.527) |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 16 | (171.806.376.594) | (103.475.230.527) |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 235.000.000 | 235.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 235.000.000 | 235.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | (90.311) | (90.311) |
| 421 | 3. Lỗ lũy kế | | (172.041.286.283) | (103.710.140.216) |
| 421a | - Lỗ lũy kế đến cuối năm trước | | (103.710.140.216) | (67.123.351.455) |
| 421b | - Lỗ năm nay | | (68.331.146.067) | (36.586.788.761) |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 67.588.900.348 | 101.257.053.150 |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Phạm Ngọc Sơn

Phạm Ngọc Sơn
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|-------------------------------------------|-------------|------------------|-------------------|
| 10 | 1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 17.1 | 98.984.122.002 | 174.778.717.434 |
| 11 | 2. Giá vốn dịch vụ cung cấp | 18 | (95.072.438.262) | (164.441.596.240) |
| 20 | 3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ | | 3.911.683.740 | 10.337.121.194 |
| 21 | 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 17.2 | 271.328.250 | 251.095.486 |
| 22 | 5. Chi phí tài chính | 19 | (5.857.758.781) | (5.950.346.738) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (688.137.565) | (1.110.850.368) |
| 25 | 6. Chi phí bán hàng | 20 | (14.502.397.729) | (13.141.505.281) |
| 26 | 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 20 | (32.254.864.164) | (37.045.171.799) |
| 30 | 8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh | | (48.432.008.684) | (45.548.807.138) |
| 32 | 9. Chi phí khác | | (3.045.454) | (12.951.138) |
| 40 | 10. Lỗ khác | | (3.045.454) | (12.951.138) |
| 50 | 11. Tổng lỗ kế toán trước thuế | | (48.435.054.138) | (45.561.758.276) |
| 51 | 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 22.1 | - | - |
| 52 | 13. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 22.3 | (19.896.091.929) | 8.974.969.515 |
| 60 | 14. Lỗ sau thuế TNDN | | (68.331.146.067) | (36.586.788.761) |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Phạm Ngọc Sơn

Phạm Ngọc Sơn
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lỗ kế toán trước thuế | | (48.435.054.138) | (45.561.758.276) |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 8, 9 | 1.320.960.128 | 1.386.356.482 |
| 04 | Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 4.608.059.396 | 4.797.906.020 |
| 05 | (Lợi nhuận) lỗ từ hoạt động đầu tư | | (271.328.250) | 212.869.694 |
| 06 | Chi phí lãi vay | 19 | 688.137.565 | 1.110.850.368 |
| 08 | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (42.089.225.299) | (38.053.775.712) |
| 09 | Giảm các khoản phải thu | | 8.260.418.139 | 15.454.136.688 |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | 14.245.302.690 | 24.405.984.377 |
| 12 | Giảm chi phí trả trước | | 156.423.432 | 838.103.380 |
| 14 | Lãi vay đã trả | | (688.137.565) | (1.199.184.628) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh | | (20.115.218.603) | 1.445.264.105 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 23 | Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | | (2.700.000.000) | (1.400.026.713) |
| 24 | Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | | 2.950.000.000 | 650.026.713 |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi | | 271.328.250 | 251.095.486 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư | | 521.328.250 | (498.904.514) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 15 | 26.155.500.000 | 24.902.500.000 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | 15 | (10.367.000.000) | (24.428.500.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 15.788.500.000 | 474.000.000 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (3.805.390.353) | 1.420.359.591 |
| 60 | Tiền đầu năm | | 20.127.839.550 | 18.700.620.017 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 21.517.137 | 6.859.942 |
| 70 | Tiền cuối năm | 4 | 16.343.966.334 | 20.127.839.550 |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Phạm Ngọc Sơn

Phạm Ngọc Sơn
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bolttech Device Protection Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 5437040765 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“CNDKDN”) số 0315723588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 6 năm 2019, và theo các CNDKDN điều chỉnh.

Hoạt động đăng ký của Công ty là cung cấp dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị liên lạc, dịch vụ tư vấn quản lý và dịch vụ đại lý bảo hiểm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 3, Tòa nhà An Khánh, Số 63, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 27 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 32).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

572
CÔNG
CỔ PHẦN
BOLTTECH
DEVICE
PROTECTION
VIỆT
NAM
PHỐ

10/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Giả định hoạt động liên tục

Công ty đã phát sinh một khoản lỗ trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 68.331.146.067 VND và cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 172.041.286.283 VND đã vượt quá vốn cổ phần là 171.806.376.594 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 177.387.648.832 VND. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai của Công ty phụ thuộc vào khả năng hoạt động có lợi nhuận trong tương lai và sự hỗ trợ liên tục của các cổ đông.

Công ty đã lập kế hoạch kinh doanh và dự báo dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh chính và việc hoãn thanh toán các khoản phải trả cho các bên liên quan. Bên cạnh đó, Bolttech Holding Limited, công ty mẹ cao nhất của Công ty, đã cam kết sẽ hỗ trợ nguồn tài chính bổ sung cần thiết để Công ty có thể thanh toán các khoản nợ khi đến hạn trả. Theo đó, Tổng Giám đốc Công ty dự kiến sẽ có thể tiếp tục hoạt động và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày của báo cáo tài chính này, và theo đó, sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các nghĩa vụ đến hạn trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty. Dựa trên cơ sở này, Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

500
TY
AN
DEV
CTIO
NAM
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--------------------|-------|
| Thiết bị văn phòng | 3 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 năm |

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp, và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu chưa thực hiện cho dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các thiết bị của khách hàng được ghi nhận theo thời hạn hợp đồng bảo hiểm trong vòng 12 đến 24 tháng.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

| | VND | |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền gửi ngân hàng | <u>16.343.966.334</u> | <u>20.127.839.550</u> |

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc lớn hơn ba tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất dao động từ 4,1% đến 4,9%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | VND | |
|-------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải thu các công ty bảo hiểm | | |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina | 5.853.285.415 | 11.901.996.047 |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn cầu | 2.397.482.481 | 2.861.654.756 |
| Phải thu các bên khác | | |
| Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT | 11.711.163.553 | 6.364.070.689 |
| Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam | 2.107.469.840 | 11.170.276.965 |
| Thái Nguyên – Chi nhánh TP.HCM | 107.407.286 | 3.052.093 |
| Khác | | |
| TỔNG CỘNG | <u>22.176.808.575</u> | <u>32.301.050.550</u> |

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Đặt cọc | 976.846.000 | 935.840.000 |
| Chi hộ bên liên quan (Thuyết minh số 23) | 389.983.212 | - |
| Khác | 32.386.250 | 22.497.700 |
| TỔNG CỘNG | <u>1.399.215.462</u> | <u>958.337.700</u> |

356
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 BOLTTECH
 DEVICE
 PROTECTION
 VIỆT NAM
 30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | |
|--------------------------------|----------------------------------|
| | VND <i>Thiết bị văn phòng</i> |
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm và số cuối năm | 525.827.600 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | |
| Số đầu năm | (227.188.321) |
| Khấu hao trong năm | (175.275.864) |
| Số cuối năm | (402.464.185) |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 298.639.279 |
| Số cuối năm | 123.363.415 |

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | |
|-------------------------------|---------------------------------|
| | VND <i>Phần mềm máy tính</i> |
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm và số cuối năm | 3.862.902.438 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| <i>Đã hao mòn hết</i> | 425.849.643 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số đầu năm | (2.149.084.331) |
| Hao mòn trong năm | (1.145.684.264) |
| Số cuối năm | (3.294.768.595) |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 1.713.818.107 |
| Số cuối năm | 568.133.843 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | VND | |
|--------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn cầu | 1.446.969.931 | 8.084.328.890 |
| Hong Kong Telecommunications Limited | 477.606.336 | - |
| Công ty Cổ phần Hữu nghị Việt Hàn | 382.710.600 | 118.488.000 |
| Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina | - | 4.633.070.534 |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina | - | 3.160.413.274 |
| Khác | 1.103.613.039 | 4.424.688.191 |
| TỔNG CỘNG | <u>3.410.899.906</u> | <u>20.420.988.889</u> |

11. THUẾ

| | VND | | | |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
| Phải thu | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 10.928.224.956 | 12.171.861.810 | (10.749.301.694) | 12.350.785.072 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | <u>3.055.103.068</u> | - | - | <u>3.055.103.068</u> |
| | <u>13.983.328.024</u> | <u>12.171.861.810</u> | <u>(10.749.301.694)</u> | <u>15.405.888.140</u> |
| Phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 10.559.145.888 | (10.559.145.888) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | <u>403.435.530</u> | <u>3.676.114.055</u> | <u>(3.795.383.911)</u> | <u>284.165.674</u> |
| | <u>403.435.530</u> | <u>14.235.259.943</u> | <u>(14.354.529.799)</u> | <u>284.165.674</u> |

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | VND | |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Chi phí hỗ trợ quản lý và kỹ thuật khu vực (Thuyết minh số 23) | 31.856.736.590 | 42.802.174.558 |
| Thuế nhà thầu nước ngoài | 7.325.779.398 | 5.667.251.378 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.346.235.547 | 4.185.704.740 |
| Lương thưởng nhân viên | 2.359.726.714 | 2.904.360.649 |
| Phí dịch vụ bảo hiểm | 2.413.978.815 | 6.333.543.661 |
| Chi phí miễn hoàn bảo hiểm | 1.556.776.117 | 3.141.952.280 |
| Khác | <u>998.063.851</u> | <u>1.316.128.090</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>50.857.297.032</u> | <u>66.351.115.356</u> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Số dư cuối năm thể hiện doanh thu chưa thực hiện của dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các thiết bị của khách hàng theo thời hạn hợp đồng dịch vụ trong vòng 12 đến 24 tháng.

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 23</i>) | 133.174.300.600 | 86.590.539.997 |
| Thuế nhà thầu nước ngoài | 222.362.958 | 1.000.778.539 |
| Nhận đặt cọc | 200.000.000 | 200.000.000 |
| TỔNG CỘNG | <u>133.596.663.558</u> | <u>87.791.318.536</u> |

15. VAY NGẮN HẠN

| | VND |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| | <i>Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i> |
| Số đầu năm | 10.182.000.000 |
| Vay | 26.155.500.000 |
| Trả gốc vay | (10.367.000.000) |
| Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái | 314.500.000 |
| Số cuối năm | <u>26.285.000.000</u> |

Công ty sử dụng khoản vay tín chấp ngắn hạn để bổ sung cho nhu cầu vốn lưu động và chịu mức lãi suất 4,5%/năm. Chi tiết như sau:

| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Nguyên tệ</i> | <i>Thời hạn trả gốc vay</i> |
|----------------------------------------------|-----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|
| | VND | USD | |
| Bolttech Device Protection Singapore PTE.LTD | <u>26.285.000.000</u> | <u>1.000.000</u> | Từ ngày 21 tháng 4 năm 2026 đến ngày 8 tháng 11 năm 2026 |

5723
CÔNG
CỔ PH
TECH
OTEC
VIỆT N
HỒ H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

| | VND | | | |
|---------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Vốn cổ phần đã góp | Thặng dư vốn cổ phần | Lỗi lũy kế | Tổng cộng |
| Năm trước | | | | |
| Số đầu năm | 235.000.000 | (90.311) | (67.123.351.455) | (66.888.441.766) |
| Lỗi thuần trong năm | - | - | (36.586.788.761) | (36.586.788.761) |
| Số cuối năm | <u>235.000.000</u> | <u>(90.311)</u> | <u>(103.710.140.216)</u> | <u>(103.475.230.527)</u> |
| Năm nay | | | | |
| Số đầu năm | 235.000.000 | (90.311) | (103.710.140.216) | (103.475.230.527) |
| Lỗi thuần trong năm | - | - | (68.331.146.067) | (68.331.146.067) |
| Số cuối năm | <u>235.000.000</u> | <u>(90.311)</u> | <u>(172.041.286.283)</u> | <u>(171.806.376.594)</u> |

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <i>Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư</i> | | Vốn cổ phần đã góp | |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------|
| | <i>Vốn cổ phần</i> | <i>% sở hữu</i> | | |
| | <i>VND</i> | <i>Tương đương USD</i> | | |
| | <i>USD</i> | | <i>USD</i> | |
| Bolttech Device Protection Singapore PTE.LTD | 233.000.000 | 10.063 | 99,14 | 10.063 |
| Bolttech Device Protection Malaysia SDN.BHD | 1.000.000 | 43 | 0,43 | 43 |
| Bolttech Device Protection Philippines INC. | <u>1.000.000</u> | <u>43</u> | <u>0,43</u> | <u>43</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>235.000.000</u> | <u>10.149</u> | <u>100</u> | <u>10.149</u> |

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ

| | VND | |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | <u>98.984.122.002</u> | <u>174.778.717.434</u> |

17.2. Doanh thu hoạt động tài chính

| | VND | |
|--------------|--------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi | <u>271.328.250</u> | <u>251.095.486</u> |

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | VND | |
|---------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Phí dịch vụ bảo hiểm | 47.595.711.342 | 94.390.523.317 |
| Hỗ trợ kỹ thuật khu vực từ công ty mẹ | 23.612.672.207 | 31.439.184.507 |
| Dịch vụ mua ngoài | 8.617.681.492 | 14.468.541.078 |
| Chiết khấu | 7.938.187.745 | 4.910.570.975 |
| Chi phí miễn hoàn bảo hiểm | 6.031.568.254 | 15.499.223.440 |
| Chi phí nhân viên | - | 2.070.153.872 |
| Khác | <u>1.276.617.222</u> | <u>1.663.399.051</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>95.072.438.262</u> | <u>164.441.596.240</u> |

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | VND | |
|----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 5.169.621.216 | 4.839.496.370 |
| Chi phí lãi vay | <u>688.137.565</u> | <u>1.110.850.368</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>5.857.758.781</u> | <u>5.950.346.738</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí bán hàng | 14.502.397.729 | 13.141.505.281 |
| Chi phí nhân viên | 9.372.170.632 | 9.584.205.570 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.172.975.880 | 2.024.035.072 |
| Chi phí hỗ trợ quảng cáo | 909.388.656 | 1.456.601.406 |
| Khác | 47.862.561 | 76.663.233 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 32.254.864.164 | 37.045.171.799 |
| Chi phí nhân viên | 18.557.200.898 | 16.039.299.129 |
| Chi phí hỗ trợ quản lý | 7.334.675.727 | 9.906.387.881 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.526.453.108 | 5.811.594.529 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9) | 1.320.960.128 | 1.386.356.482 |
| Khác | 1.515.574.303 | 3.901.533.778 |
| TỔNG CỘNG | 46.757.261.893 | 50.186.677.080 |

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VND | |
|------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Phí dịch vụ bảo hiểm | 47.595.711.342 | 94.390.523.317 |
| Chi phí hỗ trợ quản lý và kỹ thuật khu vực | 31.856.736.590 | 42.802.713.794 |
| Chi phí nhân viên | 27.929.371.530 | 27.693.658.571 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 17.131.347.033 | 23.076.706.001 |
| Chiết khấu | 7.938.187.745 | 4.910.570.975 |
| Chi phí miễn hoàn bảo hiểm | 6.031.568.254 | 15.499.223.440 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9) | 1.320.960.128 | 1.386.356.482 |
| Khác | 2.025.817.533 | 4.868.520.740 |
| TỔNG CỘNG | 141.829.700.155 | 214.628.273.320 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

| | Năm nay | VND Năm trước |
|---------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Chi phí thuế TNDN | - | - |
| Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại | 19.896.091.929 | (8.974.969.515) |
| TỔNG CỘNG | 19.896.091.929 | (8.974.969.515) |

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | Năm nay | VND Năm trước |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Lỗ kế toán trước thuế | (48.435.054.138) | (45.561.758.276) |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | (9.687.010.828) | (9.112.351.655) |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i> | | |
| Chi phí không được trừ | 24.866.469 | 137.382.140 |
| Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận từ khoản lỗ tính thuế | 6.959.089.645 | - |
| Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế | 22.599.146.643 | - |
| Chi phí thuế TNDN | 19.896.091.929 | (8.974.969.515) |

5723
 CÔNG T
 Ồ PHẢ
 CH D
 TECTI
 T NA
 Ồ HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.2 Lỗi thuế

Lỗi thuế của Công ty khác với lỗi được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗi thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế.

22.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

| | Bảng cân đối kế toán | | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | | VND |
|----------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|---------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Năm nay | Năm trước | |
| | Lỗi tính thuế | 5.723.178.251 | 25.861.689.767 | (20.138.511.516) | 8.094.737.860 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 1.219.821.810 | 1.417.381.476 | (197.559.666) | 294.195.063 | |
| Doanh thu chưa xuất hóa đơn | 254.508.012 | (185.471.241) | 439.979.253 | 586.036.592 | |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | <u>7.197.508.073</u> | <u>27.093.600.002</u> | | | |
| (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại | | | <u>(19.896.091.929)</u> | <u>8.974.969.515</u> | |

22.4 Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản lỗi lũy kế với tổng giá trị là 176.600.211.023 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 129.501.587.166 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗi đến năm | Lỗi tính thuế | VND | |
|------------------|---------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| | | | Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 | Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 |
| 2021 | 2026 | 25.367.795.717 | - | 25.367.795.717 |
| 2022 | 2027 | 13.936.338.476 | - | 13.936.338.476 |
| 2023 | 2028 | 49.530.625.344 | - | 49.530.625.344 |
| 2024 | 2029 | 40.666.827.629 | - | 40.666.827.629 |
| 2025 | 2030 | 47.098.623.857 | - | 47.098.623.857 |
| TỔNG CỘNG | | <u>176.600.211.023</u> | - | <u>176.600.211.023</u> |

Số lỗi tính thuế ước tính nêu trên theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> |
|----------------------------------------------|-----------------------|
| Bolttech Device Protection Singapore PTE.LTD | Công ty mẹ |
| Bolttech Device Protection Philippines INC. | Công ty cùng Tập đoàn |
| Bolttech Device Protection Hong Kong | Công ty cùng Tập đoàn |
| Bolttech Device Protection Malaysia SDN.BHD | Công ty cùng Tập đoàn |

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>VND</i> | |
|----------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|------------------|
| | | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Bolttech Device Protection Singapore PTE.LTD | Vay | 26.155.500.000 | 24.902.500.000 |
| | Trả gốc vay | 10.367.000.000 | 24.428.500.000 |
| | Chi phí lãi vay | 688.137.565 | 1.110.850.368 |
| Bolttech Device Protection Malaysia SDN.BHD | Chi phí hỗ trợ quản lý và kỹ thuật khu vực | 31.856.736.590 | 42.802.173.794 |
| | Chi hệ Công ty | 389.983.212 | 122.747.091 |
| | Công ty chi hệ | - | - |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>VND</i> | |
|----------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| | | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| <i>Phải thu ngắn hạn khác</i> | | | |
| Bolttech Device Protection Malaysia SDN.BHD | Công ty chi hệ | 389.983.212 | - |
| <i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i> | | | |
| Bolttech Device Protection Malaysia SDN.BHD | Chi phí hỗ trợ quản lý và kỹ thuật khu vực | 31.856.736.590 | 42.802.173.794 |
| Bolttech Device Protection Singapore PTE.LTD | Lãi vay | 477.057.615 | - |
| | | <u>32.333.794.205</u> | <u>42.802.173.794</u> |
| <i>Vay ngắn hạn</i> | | | |
| Bolttech Device Protection Singapore PTE.LTD | Vay | 26.285.000.000 | 10.182.000.000 |
| <i>Phải trả ngắn hạn khác</i> | | | |
| Bolttech Device Protection Malaysia SDN.BHD | Chi phí hỗ trợ quản lý và kỹ thuật khu vực | 122.808.735.495 | 76.030.249.013 |
| | Chi hệ Công ty | 6.960.749.634 | 6.904.006.148 |
| Bolttech Device Protection Singapore PTE.LTD | Chi hệ Công ty | 2.879.115.471 | 2.638.084.836 |
| Bolttech Device Protection Hong Kong | Chi phí phát triển phần mềm | 525.700.000 | 1.018.200.000 |
| | | <u>133.174.300.600</u> | <u>86.590.539.997</u> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Ban Giám đốc được Công ty thanh toán:

| | VND | |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập của Ban Giám đốc | <u>4.562.059.119</u> | <u>5.392.000.263</u> |

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | VND | |
|----------------------|-----------------------------|---------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Đến 1 năm | 923.516.251 | 970.074.156 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 1.944.910.449 | - |
| TỔNG CỘNG | <u>2.868.426.700</u> | <u>970.074.156</u> |

25. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Phạm Ngọc Sơn

Phạm Ngọc Sơn
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc Hương
Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn